TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 205/2024/HS-PT
Ngày 26 tháng 3 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đức Thọ.

Các thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tấn.

Ông Phạm Trí Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Hiển - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Vũ Hồng Cường - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 888/2023/TLPT-HS ngày 01 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Đình D các bị cáo khác do có kháng cáo của người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2023/HS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- *Các bị cáo bị kháng cáo:*

1. Bị cáo Nguyễn Đình D1(tên gọi khác: Dũng V) sinh năm 1993 tại Bình Phước. Nơi cư trú có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Khu phố G, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình T bà Đỗ Thị T1 vợ là bà Bùi Thị Ngọc Y(đã ly hôn) và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2012, lớn nhất sinh năm 2022; có 01 tiền án: Bị xử phạt 07 năm tù về tội cướp tài sản theo Bản án số 86/2015/HSST ngày 14/8/2015 của Toà án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước; tiền sự: Không; nhân thân: Bị xử phạt hành chính về hành vi dùng vũ lực để giao cấu trái ý muốn người khác theo Quyết định xử phạt hành chính số 97/QĐ-XPHC ngày 31/7/2014 của Công an huyện H4; bị tạm giữ, tạm giam ngày 31/8/2022 cho đến nay, có mặt.

2. Bị cáo Nguyễn Thị L(tên gọi khác: Ú), sinh năm 1991 tại Bình Phước. Nơi cư trú và có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Tổ E, khu phố F, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa : 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tất Đ bà Nguyễn Thị B; có chồng là ông Trần Công Trường G(đã ly hôn) và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không; được tại ngoại, có mặt.

3. Bị cáo Nguyễn Tiến C 1988 tại Đà Nẵng. Nơi có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước; chỗ ở: Tổ A, khu phố F, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn T2D1và bà Lê Thị L1, tiền sự: Không; nhân thân: Bị xử phạt 07 năm tù về tội cố ý gây thương tích theo Bản án số 04/2013/HSST ngày 29/01/2013 của Toà án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/10/2022 cho đến nay, có mặt.

4. Bị cáo Lê Quang A 1998 tại Bình Phước. Nơi cư trú và có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Tổ E, khu phố B, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phướcnghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hữu Q bà Cao Thị T2 vợ là bà Nguyễn Thị H 05 người con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/8/2022 cho đến nay, có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo:*

1. Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đình D1: Ông Nguyễn Trần K s thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B, có mặt.

2. Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn T3 *C1* Ông Ngô Quốc C2sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B2

3. Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị L Ông Trần H1A1Luật s thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B2

4. Người bào chữa cho bị cáo Lê Q1 *A1* Ông Nguyễn Minh Đ1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B2

- *Người bị hại có kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Bích V1sinh năm 1988, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị B1 Ông Nguyễn Bá H1 năm 1985, có mặt.

Cùng địa chỉ: Số I đường N, Phường G, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Văn phòng C3

Địa chỉ: Khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước

Người đại diện theo pháp luật Văn phòng C3: Ông Lê Hồng L2 - Trưởng Văn phòng.

Người đại diện theo ủy quyền Văn phòng C3: Ông Võ Chí C1, sinh năm 1999, có mặt.

Địa chỉ: Thôn Tân Lập, xã Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

2. Ông Trà Thanh K1, sinh năm 1987, xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn K, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước

3. Ông Trần Gia T4, sinh năm 1957, xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố E, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Đình D2 với bị cáo Nguyễn Thị L3 vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Khoảng cuối năm 2021, do nợ tiền của nhiều người nên bị cáo D3sinh và nói cho bị cáo L4về ý định lấy trộm tài sản và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) của người khác đem đi thế chấp vay tiền để trả nợ. Ngày 13/01/2022, bị cáo Dđiện thoại rủ bị cáo Lê Q1 A2trộm cắp tài sản thì bị cáo A3ý. Bị cáo D4khiển xe mô tô Exciter, biển kiểm soát 93C1 – 151.10 chở bị cáo A2tìm nhà để trộm cắp tài sản, trên đường đi bị cáo D5với bị cáo Á định trộm GCNQSDĐ để bán thì bị cáo A3 ý. Khi đi ngang qua nhà vợ chồng bị hại ông Nguyễn Văn S và bà C5, xã T, huyện H biển hiệu *"Quầy thuốc tây tư nhân A* đóng cửa nên bị cáo D6xe lại trước cổng; lúc này có bà Cao Thị T5 chị gái ruột của bị hại bà T4đi ngang qua tưởng các bị cáo D Ađến mua thuốc nên nói cho các bị cáo biết bị hại ông S đưa bị hại bà T4đi sinh nên không có nhà. Nghe vậy, các bị cáo D3 A4thống nhất chiều tối sẽ quay lại trộm cắp tài sản. Khoảng 18 giờ cùng ngày, bị cáo D4khiển xe mô tô Enói trên và cầm theo 01 cây sắt dài khoảng 50cm, một đầu được đập dẹp (dạng xà beng) chở bị cáo A2đến nhà các bị hại để trộm cắp tài sản. Đến nơi, các bị cáo D Agiấu xe mô tô ở khu vực vườn cao su đối diện nhà các bị hại rồi đi đến dùng tay không và cây sắt đem theo cạy cổng sắt, rồi tiếp tục cạy cửa chính đột nhập vào bên trong nhà của các bị hại. Các bị cáo đi vào phòng ngủ lục tủ quần áo lấy 02 nhẫn cưới trơn bằng vàng 18K, trên nhẫn có đính đá, tổng trọng lượng 1,5 chỉ; 01 lắc đeo tay trẻ em loại mắt xích bằng vàng 18K, trọng lượng 1,3 chỉ; 01 dây chuyền trẻ em loại mắt xích bằng vàng 18K, trọng lượng 0,97 chỉ; 01 đôi bông tai trẻ em bằng vàng 18K, trọng lượng 0,4 chỉ; 01 đôi bông tai người lớn hình bông hoa 5 cánh, có đính đá, trọng lượng 01 chỉ. Bị cáo D7toàn bộ số vàng trộm cắp được, rồi cùng bị cáo A5tục ra khu vực phòng khách cạy cửa tủ tivi lấy 01 cái cặp, bên trong có đựng các giấy tờ gồm: GCNQSDĐ số CI 376948 do Sở T9tỉnh Bcấp ngày 15/8/2017 đối với Thửa đất số 433, tờ bản đồ số 03, địa chỉ: Ấp R, xã Q, huyện C CY299181 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bcấp ngày 31/3/2021 đối với Thửa đất số 1674, tờ bản đồ số 24, địa chỉ: Khu phố B, thị trấn T, huyện H hại ông Nguyễn Văn S và bà Cao Thị T6 tên sử dụng đất; giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, sổ hộ khẩu, hình ảnh và một số giấy tờ tuỳ thân khác của các bị hại. Bị cáo D7cặp đựng các giấy tờ trên rồi cùng bị cáo A2ra khu vực quầy bán thuốc Tây cạy cửa lấy được số tiền 300.000 đồng. Sau đó, bị cáo D4khiển xe mô tô chở bị cáo A6 nhà, rồi mang toàn bộ tài sản và giấy tờ trộm cắp được về nhà bị cáo D8ấp S, xã T, huyện H ngày sau bị cáo D9toàn bộ số vàng trên và chia cho bị cáo A2.000.000 đồng, số tiền còn lại bị cáo D10xài hết.

Sáng ngày 14/01/2022, bị cáo D11 toàn bộ tài sản và giấy tờ trộm cắp được cùng bị cáo A7kiểm tra và nói cho bị cáo L biết. Sau khi kiểm tra xong, bị cáo D12bạc với bị cáo L về ý định làm giả giấy chứng minh nhân dân (CMND) của vợ chồng bị hại và tìm người đóng giả vợ chồng bị hại để đi thế chấp GCNQSDĐ sẽ vay được nhiều tiền thì bị cáo L5ý. Thấy bị cáo D13điện thoại cho nhiều người để tìm người đóng giả vợ chồng bị hại nhưng không tìm được nên bị cáo L6với bị cáo Nguyễn T3 C1*"Dnhờ em với anh làm việc này, xong việc Dcho tiền"* rồi bị cáo

L6cho bị cáo D14 ý định nhờ bị cáo Công đóng giả bị hại ông S và bị cáo L7 đóng giả bị hại bà T4thì bị cáo D15ý. Sau đó, các bị cáo Lvà D nói chuyện với Cvề việc đóng giả bị hại ông S, nếu thế chấp được GCNQSDĐ thì sẽ trả cho bị cáo C4 tiền 130.000.000 đồng thì bị cáo C5ý và bị cáo D5bị cáo C6cấp 01 ảnh chân dung để làm giả giấy CMND của bị hại ông S. Đồng thời, bị cáo D13 điện thoại hỏi và đến nhà chở bị cáo A8khu phố B, thị trấn T, huyện H thửa đất có GCNQSDĐ số CY299181, bị cáo A9bị cáo D*"Tìm vị trí thửa đất để làm gì?*" thì bị cáo D4 lời *"Để chỉ cho người mua sổ"*, do bị cáo A10biết vị trí thửa đất có GCNQSDĐ số CY299181 trên nên bị cáo D17 bị cáo A6 nhà rồi quay lại tự đi tìm vị trí thửa đất có vị trí, diện tích tương tự rồi ghim vị trí trên bản đồ "Google map". Sau khi nhờ được bị cáo Công đóng giả bị hại ông S, dựa vào thông tin cá nhân của các bị hại ông S bà T4có trong GCNQSDĐ số CY299181 và ảnh chân dung của bị hại bà T7 có trong số giấy tờ trộm cắp được và ảnh chân dung của bị cáo C, các bị cáo D, L8lên mạng tìm địa chỉ làm giả giấy tờ để đặt làm 01 CMND giả có thông tin cá nhân của bị hại ông S nhưng ảnh chân dung của bị cáo C7 01 CMND giả có thông tin cá nhân và hình ảnh của bị hại bà T7 Ban đầu, bị cáo L9được địa chỉ nhận làm giả giấy tờ nhanh hơn địa chỉ nhận làm giả giấy tờ mà bị cáo D18được nên bị cáo L4 đặt làm 02 CMND giả có thông tin như trên. Khoảng 2 - 3 ngày sau, bị cáo L11được 02 CMND giả nhưng phát hiện bị sai thông tin. Sau đó, bị cáo L12hệ với địa chỉ làm giấy tờ giả trước đó để đặt lai nhưng không được nên bị cáo Dliên hệ lại với địa chỉ nhận làm giả giấy tờ mà bị cáo D19hệ trước đó để bị cáo D2002 CMND giả, khoảng 5 – 6 ngày sau bị cáo L11được 02 CMND giả. Đồng thời trong thời gian đặt làm giả CMND, ngày 20/01/2022, bị cáo D4khiển xe mô tô Sirius, biển số kiểm soát 93C1 – 130.43 chở bị cáo C8về hướng huyện L thế chấp GCNQSDĐ; khi đi đến khu phố N, thị trấn L nhìn thấy tiệm V2 nhận cầm cố tài sản nên bị cáo D5 liên lạc với số điện thoại trên biển hiệu thì gặp bà Trần Ngọc D6 là chủ tiệm V2, D5 hỏi có nhận thế chấp GCNQSDĐ không thì được bà D6 cho số điện thoại 0916.604.690 của con gái bà D6 là bị hại bà Nguyễn Thị Bích V1 cư trú tại số I, đường N, phường G, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh để liên hệ. Sau khi có số điện thoại của bị hại bà V1, bị cáo D5 mua 01 sim điện thoại đưa cho bị cáo L5 mạo danh bị hại bà T8 liên lạc với bị hại bà V1 trao đổi về việc cần thế chấp GCNQSDĐ số CY299181 để vay tiền; bị hại bà V1 yêu cầu gửi hình ảnh GCNQSDĐ qua Zalo. Sau đó, các bị cáo L5 và D5 lập tài khoản Zalo tên "Kim Trình" để kết bạn, gửi hình ảnh GCNQSDĐ số CY299181 cùng vị trí thửa đất cho bị hại bà V1. Sau khi xem hình ảnh GCNQSDĐ, bị hại bà V1 hẹn sáng ngày 22/01/2022 đi xem đất mới đưa ra số tiền cho vay. Sáng ngày 22/01/2022, bị hại bà V1 đi cùng ông Nguyễn Bá H2 cư trú tại số I, đường N, phường G, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và ông Bùi Thanh T9 cư trú tại khu phố N, thị trấn L, huyện L đến thị trấn T để xem đất thì được bị cáo L5 giới thiệu bị cáo D5 sẽ dẫn bị hại bà V1 đi xem đất. Bị cáo D5 đưa bị hại bà V1 cùng ông H2 và ông T9 đến vị trí thửa đất có đặc điểm tương tự mà bị cáo D5 tìm trước đó. Xem đất xong, bị hại bà V1 trao đổi, nói chuyện và nhắn tin với bị cáo L5 qua Z và thống nhất đồng ý cho vay số tiền 1.300.000.000 đồng, lãi suất 03%/tháng (tức 1.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày) với điều kiện phải ký hợp đồng chuyển nhượng để đảm bảo việc cho vay thì các bị cáo D5 và L5 đồng ý. Đồng thời, bị cáo L5 tiếp tục đưa thông tin còn 01 thửa đất ở xã Q, huyện C, nay là thị xã C (GCNQSDĐ số CI 376948) để vay

thêm tiền nhưng do đất ở cách xa thị trấn L nên bị hại bà V1 không nhận thế chấp. Bị hại bà V1 hẹn ngày 24/01/2022 đến Văn phòng C6 (VPCC) tại khu phố N, thị trấn L, huyện L để ký hợp đồng chuyển nhượng, đồng thời bà V1 yêu cầu bị cáo L5 gửi hình ảnh CMND, sổ hộ khẩu và giấy đăng ký kết hôn để VPCC soạn thảo trước hợp đồng.

Sáng ngày 24/01/2022, bị cáo D5 thuê 01 xe ô tô chở các bị cáo L5 và C3 đến VPCC Lê Hồng L6, còn bị cáo D5 một mình đi theo bằng xe mô tô. Khi đến VPCC, bị cáo L5 đưa cho bị cáo Công CMND giả ghi tên Nguyễn Văn S1 rồi ngồi chờ phía trước VPCC. Khi bị hại bà V1 đến, bị cáo L5 đi vào VPCC đưa GCNQSDĐ số CY299181, sổ hộ khẩu, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn và CMND giả ghi tên bị hại bà Cao Thị T10 cho nhân viên VPCC đối chiếu, kiểm tra, rồi đến bị cáo C3 đi vào VPCC đưa CMND ghi tên bị hại ông Nguyễn Văn S1 cho nhân viên VPCC đối chiếu, kiểm tra. Quá trình soạn thảo hợp đồng, kiểm tra, đối chiếu giấy tờ ông Trà Thanh K2 là nhân viên VPCC và ông Trần Gia T11 là Công chứng viên không phát hiện CMND của các bị hại ông Nguyễn Văn S1 và bà Cao Thị T10 mà các bị cáo L5 và C3 đưa là giả nên cho các bị cáo L5 và C3 ký, lăn tay vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bị hại bà V1. Sau khi ký xong hợp đồng chuyển nhượng, bị cáo L5 ra xe ô tô đi đến tiệm V2 để lấy tiền, bị cáo D5 điều khiển xe mô tô chỉ đường, bị cáo C3 ở lại VPCC chờ lấy hợp đồng chuyển nhượng và các giấy tờ liên quan rồi bắt xe ôm đi về thị xã B. Sau khi chỉ tiệm V2 cho bị cáo L5 xong, bị cáo D5 điều khiển xe mô tô về thị xã B gặp bị cáo C3 và cùng chờ bị cáo L5. Tại tiệm V2, bà Trần Ngọc D6 trực tiếp đưa số tiền 1.300.000.000 đồng cho bị cáo L5. Sau khi nhận đủ số tiền 1.300.000.000 đồng, bị cáo L5 ra xe ô tô đi về khu vực M - thị xã B gặp các bị cáo D5 và C3. Bị cáo L5 trả tiền thuê xe ô tô hết 2.500.000 đồng và đưa cho bị cáo C3 130.000.000 đồng, bị cáo C3 đưa lại cho bị cáo L5 30.000.000 đồng nhờ bị cáo L5 đưa cho bà Lê Thị L7 là mẹ ruột của bị cáo C3, rồi bị cáo C3 thuê xe ô tô đi thành phố Hồ Chí Minh tiêu xài hết số tiền 100.000.000 đồng, còn bị cáo D5 điều khiển xe mô tô chở bị cáo L5 về nhà. Các bị cáo D5 và L5 chia cho bị cáo A1 số tiền 60.000.000 đồng, còn lại 1.110.000.000 đồng các bị cáo D5, L5 trả nợ và tiêu xài hết. Đến ngày 26/01/2022, bị cáo L5 bị Công an huyện D, tỉnh Bình Dương bắt tạm giam về hành vi trộm cắp tài sản xảy ra ngày 07/3/2021 tại huyện D.

- *Về việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu:*

+ Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã thu giữ được GCNQSDĐ số CV199181 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 31/3/2021 đối với thửa đất số 1674, tờ bản đồ số 24, địa chỉ: khu phố B, thị trấn T, huyện H và 02 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 478 do V3 công chứng ngày 24/01/2022. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đang quản lý GCNQSDĐ số CY199181 và 02 bản Hợp đồng 478 trên để phục vụ công tác xác minh xử lý đối với hành vi thiếu trách nhiệm của cán bộ Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H trong việc tiếp nhận hồ sơ đăng ký biến động về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho bị hại bà Nguyễn Thị Bích V1

+ Đối với những tài sản mà các bị cáo Nguyễn Đình D7, Lê Quang A2 trộm cắp, bị cáo D7 khai đã bán tại tiệm V4 tại địa chỉ phường A, thị xã B lấy tiền chia

cho bị cáo A2. Qua xác minh tại tiệm V4 được biết, hàng ngày số vùng thu mua được sẽ nấu chảy nên không thu hồi được.

+ Đối với GCNQSDĐ Số CL 376948 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 15/8 2017 đối với thửa đất số 435, tờ bản đồ số 05, địa chỉ: ấp R, xã Q, huyện C cùng với một số giấy tờ, tài liệu khác của các bị hại ông Nguyễn Văn S1 bà Cao Thị T10 và 02 CMND giả, bị cáo D7 đã đốt tiêu huỷ nên không thu giữ được.

+ Đối với số tiền các bị cáo D7, L5, C3, A chiếm đoạt được của bị hại bà Nguyễn Thị Bích V1, các bị cáo đã trả nợ và tiêu xài cá nhân hết nên không thu hồi được.

+ Đối với xe mô tô Exciter, biển số kiểm soát 93C – 15110 bị cáo D7 sử dụng làm phương tiện để đi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là xe mô tô bị cáo L5 mượn của ông Nguyễn Tất H3, sinh năm 1987, HKTT: Khu phố F, thị trấn T, huyện H (anh ruột của bị cáo L5, hiện đang chấp hành án phạt tù về tội trộm cắp tài sản tại Trại giam B3, tỉnh Bình Dương); xe mô tô Sirius, biển số kiểm soát 93C1 13043 bị cáo D7 sử dụng làm phương tiện để đi thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là xe mô tô bị cáo D7 mượn của ông Mai Xuân D8, sinh năm 1986, HKTT: Khu phố A, thị trấn T, huyện H (anh rễ của bị cáo D8) để làm phương tiện đi lại, chủ sở hữu không biết bị cáo D8 sử dụng vào mục đích phạm tội nên không tiến hành thu giữ.

- Tại Bản kết luận định giá tài sản số 38/KL-HĐĐGTTTHS ngày 05/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H kết luận: 5,17 chỉ vàng 18K tại thời điểm bị trộm cắp tài sản, có giá trị là 17.061.000 đồng.

- Tại Bản kết luận giám định số 25/2022/KL(ĐV)-KTHS ngày 26/9/2022 của Phòng K3 Công an tỉnh B xác định: 03 dấu vết đường vân tại mục chữ ký ghi tên Nguyễn Văn S1, Cao Thị T10 in trên trang thứ 3, trong "Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất" số 478 do VPCC Lê Hồng L6 công chứng ngày 24/01/2022 không phải là dấu vân tay của bị hại ông Nguyễn Văn S1; không phải dấu vân tay của bị hại bà Cao Thị T10; không phải dấu vân tay của bị cáo Nguyễn Đình D7.

- Tại Bản kết luận giám định số 27/2022/KL(ĐV)-KTHS ngày 17/10/2022 của Phòng K3 Công an tỉnh B xác định: 02 dấu vết đường vân tại mục chữ ký ghi tên bị hại ông Nguyễn Văn S1 in trên trang thứ 3, trong "Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất" số 478 do VPCC Lê Hồng L6 công chứng ngày 24/01/2022 là dấu vân tay ngón "Trỏ trái", "Trỏ phải" của bị cáo Nguyễn Tiến C4; 01 dấu vết đường vân tại mục chữ ký ghi tên bị hại bà Cao Thị T10 in trên trang thứ 3, trong "Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất" số 478 do VPCC Lê Hồng L6 công chứng ngày 24/01/2022 là dấu vân tay ngón "Trỏ phải" của bị cáo Nguyễn Thị L8.

- Quá trình điều tra xác định nhân viên và Công chứng viên VPCC Lê Hồng L6 đã chủ quan trong việc kiểm tra, đối chiếu các giấy tờ liên quan dẫn đến không phát hiện các đối tượng sử dụng CMND giả mạo danh các bị hại ông Nguyễn Văn S1 và bà Cao Thị T10 ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bị hại bà Nguyễn Thị Bích V1. Tuy nhiên, Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu thập được tài liệu chứng minh có vai trò đồng phạm giúp sức trong việc công chứng hợp đồng chuyển nhượng; đồng thời ngay sau khi phát hiện, VPCC Lê Hồng L6 đã có văn

bản đề nghị các cơ quan có thẩm quyền dừng việc đăng ký chuyển nhượng quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản và cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 1674. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh không có cơ sở xem xét xử lý trách nhiệm đối với VPCC Lê Hồng L6.

- Đối với việc Văn phòng đăng ký đất đai huyện H xác nhận biến động về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trang 4 cho bị hại bà Nguyễn Thị Bích V1: Quá trình điều tra xác định ngày 25/02/2022, VPCC Lê Hồng L6 đã có văn bản đề nghị các cơ quan có thẩm quyền dừng việc đăng ký chuyển nhượng quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản và cấp GCNQSDĐ. Bộ phận một cửa và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H đã nhận được văn bản nhưng sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký biến động của bị hại bà Nguyễn Thị Bích V1 đã thẩm định hồ sơ và xác nhận trang 4 chuyển nhượng cho bị hại bà Nguyễn Thị Bích V1. Về nội dung này, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã tách vụ việc ra để tiếp tục xác minh điều tra làm rõ trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân liên quan nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh không đề cập đến việc xử lý nội dung này.

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 52/2023/HS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước đã quyết định:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình D7 phạm 03 tội: Tội trộm cắp tài sản, tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức; bị cáo Nguyễn Thị L8 phạm 02 tội: Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức; bị cáo Nguyễn Tiến C4 phạm 02 tội: Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức; bị cáo Lê Quang A2 phạm 02 tội: Tội trộm cắp tài sản và tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

2. Về áp dụng điều luật và hình phạt:

2.1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, c khoản 3 Điều 341; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; các điều 17, 38, 50, 53, 55, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình D7 01 (một) năm tù về tội trộm cắp tài sản, 13 (mười ba) năm tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, 03 (ba) năm tù về tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức, tổng hợp hình phạt của cả ba tội, buộc bị cáo Nguyễn Đình D7 phải chấp hành hình phạt chung là 17 (mười bảy) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 31/8/2022.

2.2. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, c khoản 3 Điều 341; các điểm n, s khoản 1 Điều 51; các điều 38, 50, 55, 56, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L8 12 (mười hai) năm tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, 03 (ba) năm tù về tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức, tổng hợp hình phạt của cả hai tội nêu trên và tổng hợp hình phạt của Bản án số 30/HSPT ngày 08/3/2023 của Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương, buộc bị cáo Nguyễn Thị L8 phải chấp hành hình phạt chung là 17 (mười bảy) năm 08 (tám) tháng tù; thời hạn

chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 26/01/2022 đến ngày 05/4/2022.

2.3. Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, c khoản 3 Điều 341; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; các điều 17, 38, 50, 55, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến C4 11 (mười một) năm tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, 06 (sáu) tháng tù về tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức, tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc bị cáo Nguyễn Tiến C4 phải chấp hành hình phạt chung là 11 (mười một) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 11/10/2022.

2.4. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; các điều 17, 38, 50, 55, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Lê Quang A2 06 (sáu) tháng tù về tội trộm cắp tài sản, 03 (ba) năm tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc bị cáo Lê Quang A2 phải chấp hành hình phạt chung là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 31/8/2022.

3. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Căn cứ các điều 46, 48 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; các điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015,

Buộc bị cáo Nguyễn Đình D7 phải bồi thường thiệt hại cho bị hại bà Nguyễn Thị Bích V1 số tiền 555.000.000 đồng;

Buộc bị cáo Nguyễn Thị L8 phải bồi thường thiệt hại cho bị hại bà Nguyễn Thị Bích V1 số tiền 555.000.000 đồng;

Buộc bị cáo Nguyễn Tiến C4 phải bồi thường thiệt hại cho bị hại bà Nguyễn Thị Bích V1 số tiền 130.000.000 đồng, trong đó người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L7 là mẹ đẻ của bị cáo Nguyễn Tiến C4 phải có trách nhiệm trực tiếp trả lại số tiền 27.000.000 đồng cho bị hại bà Nguyễn Thị Bích V1, còn lại 103.000.000 đồng thì bị cáo Nguyễn Tiến C4 phải có trách nhiệm trực tiếp trả cho bị hại bà Nguyễn Thị Bích V1.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm; về trách nhiệm do chậm thi hành án; về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 10/10/2023, người bị hại Nguyễn Thị Bích V1 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về phần liên đới bồi thường thiệt hại. Do Văn phòng công chứng Lê Hồng L6 thiếu trách nhiệm nên phải có có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Bích V1 vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Xác định lại hành vi của các bị cáo khi thực hiện công chứng có thực sự tinh vi không; xác định trách nhiệm liên đới bồi thường của Văn phòng C6 đối với toàn bộ thiệt hại của bà.

- Đại diện Văn phòng C6 trình bày: Công chứng viên Văn phòng C6 đã chủ quan trong việc kiểm tra, đối chiếu các giấy tờ liên quan nên không phát hiện được hành vi gian đối, sử dụng giấy tờ tài liệu giả của các bị cáo. Tuy nhiên, Công chứng viên và nhân viên Văn phòng C6 đã làm đúng đầy đủ các trình tự, thủ tục để ký công chứng bảo đảm vô tư, khách quan, đúng pháp luật. Mặt khác, khi yêu cầu công chứng có sự tham gia của bà Nguyễn Thị Bích V1 (là bị hại trong vụ án) đi cùng với bị cáo. Vì vậy, Văn phòng công chứng Lê Hồng L6 không đồng ý với kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị Bích V1.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án như sau:

Việc thực hiện quy định pháp luật tố tụng hình sự của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng được đảm bảo. Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bích V1 đúng về hình thức, trong hạn luật định, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo:

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định Văn phòng công chứng Lê Hồng L6 không đồng phạm với bị cáo về tội "Sử dụng, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là có căn cứ, đúng pháp luật. Người bị hại Nguyễn Thị Bích V1 kháng cáo nhưng không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị Bích V1 và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bích V1 đảm bảo đúng hình thức và trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bích V1:

Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát cấp sơ thẩm đều xác định nhân viên và Công chứng viên Văn phòng C6 đã chủ quan, thiếu trách nhiệm trong việc kiểm tra, đối chiếu các giấy tờ liên quan dẫn đến không phát hiện các bị cáo sử dụng chứng minh nhân dân giả, mạo danh các bị hại. Tuy nhiên, cơ quan cảnh sát điều tra không thu thập được tài liệu, chứng cứ chứng minh có vai trò đồng phạm, giúp sức trong việc công chứng. Mặt khác, khi yêu cầu công chứng có sự tham gia của bà Nguyễn Thị Bích V1 nhưng bà V1 cũng không phát hiện được sự gian dối và việc sử dụng giấy tờ, tài liệu giả của các bị cáo. Sau khi phát hiện được hành vi vi phạm của các bị cáo, Văn phòng C6 đã có văn bản đề nghị các cơ quan có thẩm quyền dừng việc đăng ký chuyển nhượng quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1674. Do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh B không có cơ sở xem xét xử lý trách nhiệm đối với Văn phòng C6 là có căn cứ, đúng pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị Bích V1. Quan

điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị hại Nguyễn Thị Bích V1 phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bích V1, giữ nguyên bản án sơ thẩm 52/2023/HS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

2. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình D7 phạm 03 tội: Tội trộm cắ̀p tài sản, tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức; bị cáo Nguyễn Thị L8 phạm 02 tội: Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức; bị cáo Nguyễn Tiến C4 phạm 02 tội: Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức; bị cáo Lê Quang A2 phạm 02 tội: Tội trộm cắp tài sản và tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

2.1. Áp dụng vào khoản 1 Điều 173; điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, c khoản 3 Điều 341; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; các điều 17, 38, 50, 53, 55, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình D7 01 (một) năm tù về tội trộm cắp tài sản, 13 (mười ba) năm tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, 03 (ba) năm tù về tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức, tổng hợp hình phạt của cả ba tội, buộc bị cáo Nguyễn Đình D7 phải chấp hành hình phạt chung là 17 (mười bảy) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 31/8/2022.

2.2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, c khoản 3 Điều 341; các điểm n, s khoản 1 Điều 51; các điều 38, 50, 55, 56, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L8 12 (mười hai) năm tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, 03 (ba) năm tù về tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức, tổng hợp hình phạt của cả hai tội nêu trên và tổng hợp hình phạt của Bản án số 30/HSPT ngày 08/3/2023 của Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương, buộc bị cáo Nguyễn Thị L8 phải chấp hành hình phạt chung là 17 (mười bảy) năm 08 (tám) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 26/01/2022 đến ngày 05/4/2022.

2.3. Áp dụng vào điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, c khoản 3 Điều 341; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; các điều 17, 38, 50, 55, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến C4 11 (mười một) năm tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, 06 (sáu) tháng tù về tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức, tổng

hợp hình phạt của cả hai tội, buộc bị cáo Nguyễn Tiến C4 phải chấp hành hình phạt chung là 11 (mười một) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 11/10/2022.

2.4. Áp dụng vào khoản 1 Điều 173; điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; các điều 17, 38, 50, 55, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Lê Quang A2 06 (sáu) tháng tù về tội trộm cắp tài sản, 03 (ba) năm tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc bị cáo Lê Quang A2 phải chấp hành hình phạt chung là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 31/8/2022.

3. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Căn cứ các điều 46, 48 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; các điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015,

Buộc bị cáo Nguyễn Đình D7 phải bồi thường thiệt hại cho bị hại bà Nguyễn Thị Bích V1 số tiền 555.000.000 đồng;

Buộc bị cáo Nguyễn Thị L8 phải bồi thường thiệt hại cho bị hại bà Nguyễn Thị Bích V1 số tiền 555.000.000 đồng;

Buộc bị cáo Nguyễn Tiến C4 phải bồi thường thiệt hại cho bị hại bà Nguyễn Thị Bích V1 số tiền 130.000.000 đồng, trong đó người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L7 là mẹ đẻ của bị cáo Nguyễn Tiến C4 phải có trách nhiệm trực tiếp trả lại số tiền 27.000.000 đồng cho bị hại bà Nguyễn Thị Bích V1, còn lại 103.000.000 đồng thì bị cáo Nguyễn Tiến C4 phải có trách nhiệm trực tiếp trả cho bị hại bà Nguyễn Thị Bích V1.

4. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Nguyễn Thị Bích V1 phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước;
- Bị cáo (Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Phước tống đạt cho bị cáo;
- Nhưng người tham gia tố tụng;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án, PQH.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Đức Thọ